TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 24/2022/QĐST-DS	*Châu Thành, ngày 21 tháng 6 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 13 tháng 6 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 196/2020/TLST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1.1/. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1933;

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1971; Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. (Văn bản ủy quyền ngày 01-6-2020);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Mười là luật sư Nguyễn Văn T- văn phòng luật sư Nguyễn Văn T, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp.

1.2/. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Chị Lại Phan Xuân Đ, sinh năm 1985; Địa chỉ: Số 23, đường L, K 2, Ph 1, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. (Văn bản ủy quyền ngày 17-9-2020);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông L là luật sư Hồ Thị Xuân H- văn phòng luật sư Xuân H, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp.

***1.3/.* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1.3.1/ Nguyễn Thị M, sinh năm 1972 (vợ ông Lập)

Người đại diện theo ủy quyền của bà M là ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1964; địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

1.3.2/ Nguyễn Thị Xuân Đ, sinh năm 1993 (con ông L)

1.3.3/ Nguyễn Thị Tuyết L, sinh năm 1996 (con ông L)

1.3.4/ Nguyễn Thị Xuân M, sinh năm 1999 (con ông L)

1.3.5/ Nguyễn Thị Xuân T, sinh năm 2006 (con ông L)

1.3.6/ Nguyễn Thị Tuyết H, sinh năm 2002 (con ông L)

1.3.7/ Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 2017 (con ông L)

Người đại diện hợp pháp của Xuân T, Tuyết H, Ngọc H là ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1964;

1.3.8/ Nguyễn Tú A, sinh năm 2016 (con chị Đ)

Người đại diện hợp pháp của Nguyễn Tú A là Nguyễn Thị Xuân Đ, sinh năm 1993;

Cùng địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1/ Bà Nguyễn Thị M được quyền sử dụng diện tích đất 338,7m^2, thuộc một phần thửa đất số 32, tờ bản đồ số 15, vị trí từ mốc 1-2-3-4-5-6-7-1, theo sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp xác nhận ngày 10/5/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành, đất tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Phần diện tích còn lại của thửa đất số 32, tờ bản đồ số 15 bà M đồng ý giao cho hộ ông Nguyễn Văn L toàn quyền sử dụng.

Ranh đất được sử dụng theo chiều thẳng đứng tính từ lòng đất đến không gian tài sản của bên nào lấn chiếm ranh đất phải di dời theo quy định của pháp luật. Cây

trồng và công trình kiến trúc trên các thửa đất thuộc diện tích của ai thì người đó được quyền quản lý.

Các đương sự có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền kê khai, đăng ký Quyền sử dụng đất theo qui định của pháp luật.

2.2/ Về chi phí tố tụng khác: Bà Nguyễn Thị M đồng ý chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định- định giá (bà M đã tạm ứng và chi xong)

2.3/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Hai bên thỏa thuận.

+ Ông Nguyễn Văn L phải nộp ½ án phí dân sự sơ thẩm là 339.000 đồng.

+ Bà Nguyễn Thị M phải nộp ½ án phí dân sự sơ thẩm, bà M được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo qui định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Minh Phong